

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	3
Chương I.....	5
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	5
1. Tên chủ Cơ sở	5
2. Tên Cơ sở.....	5
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của Cơ sở	6
3.1. Công suất hoạt động của Cơ sở:.....	6
3.2. Công nghệ sản xuất của Cơ sở.....	6
3.3. Sản phẩm của Cơ sở.....	7
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của Cơ sở	8
4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu của Cơ sở.....	8
4.2. Nguồn cung cấp điện.....	8
4.2. Nguồn cung cấp nước.....	9
4.2. Nguồn cung cấp sơn, dung môi, nhiên liệu	9
5. Các thông tin khác liên quan đến Cơ sở.....	10
Chương II	11
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	11
1. Sự phù hợp của Cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	11
2. Sự phù hợp của Cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường	11
Chương III.....	12
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	12
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	12
1.1. Thu gom, thoát nước mưa.....	12
1.2. Thu gom, thoát nước thải.....	12
1.3. Xử lý nước thải.....	14
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	16

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	17
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	18
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	19
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	19
Chương IV	21
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	21
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	21
1.1. Nước thải sản xuất	21
1.2. Nước thải sinh hoạt.....	22
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	24
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	24
Chương V	25
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	25
5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.....	25
Chương VI.....	26
CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	26
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải	26
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật	26
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ.....	26
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải.....	26
2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ Cơ sở	27
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.....	27
Chương VII	28
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	28
Chương VIII.....	29
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	29
PHỤ LỤC BÁO CÁO	30

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

STT	VIẾT TẮT	DIỄN GIẢI
1	BTNMT	Bộ Tài nguyên Môi trường
2	BVMT	Bảo vệ môi trường
3	BYT	Bộ Y tế
4	CBCNV	Cán bộ công nhân viên
5	CCN	Cụm công nghiệp
6	CP	Chính phủ
7	CTNH	Chất thải nguy hại
8	CTR	Chất thải rắn
9	HTXLNT	Hệ thống xử lý nước thải
10	KHKT	Khoa học kỹ thuật
11	KT-XH	Kinh tế - xã hội
12	ND	Nghị định
13	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
14	QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
15	TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
16	TCXDVN	Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam
17	UBND	Ủy ban nhân dân

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Công suất hoạt động của Cơ sở	6
Bảng 2. Các danh mục vật liệu, phụ tùng tại Cơ sở	8
Bảng 3. Nhu cầu sử dụng nước của Cơ sở	9
Bảng 4. Quy mô các hạng mục của Cơ sở	10
Bảng 5. Khối lượng CTNH phát sinh thường xuyên của Cơ sở	18
Bảng 6. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn chất ô nhiễm	21
Bảng 7. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm	23
Bảng 8. Vị trí điểm quan trắc nước thải.....	25
Bảng 9. Kết quả quan trắc nước thải.....	25

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. Quá trình hoạt động kinh doanh.....	6
Hình 2. Quy trình sửa chữa bảo dưỡng.....	7
Hình 3. Mô hình hầm tự hoại	14
Hình 4. Hệ thống xử lý nước thải tại Cơ sở	15
Hình 5. Buồng sơn tại Cơ sở	16

Chương I

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ Cơ sở

- Tên Chủ Cơ sở: Công ty TNHH Adoha
- Địa chỉ văn phòng: 258 Lê Duẩn, phường Đông Lễ, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ Cơ sở: (Bà) **Lê Thị Thu**
- Điện thoại: 02333.555.555.
- Giấy đăng ký kinh doanh số 3200604685, đăng ký lần đầu ngày 23/12/2014, thay đổi lần thứ 8 ngày 27/8/2021 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp.

2. Tên Cơ sở

- Tên Cơ sở: Showroom kinh doanh Ô tô tại địa chỉ 258 Lê Duẩn, thành phố Đông Hà.
- Địa điểm Cơ sở: Cơ sở có tổng diện tích 1.637m² đặt tại thửa đất số 110, tờ bản đồ số 30 thuộc số 258 Lê Duẩn, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị với các vị trí tiếp giáp như sau:
 - + Phía Đông Bắc giáp với đường Lê Duẩn (Quốc lộ 1A).
 - + Phía Tây Bắc giáp với khu đất của Ga Đông Hà.
 - + Phía Tây Nam giáp với khu dân cư khu phố 2, phường Đông Lễ.
 - + Phía Đông Nam giáp với trụ sở UBND phường Đông Lễ.
- Cơ sở đã có Giấy xác nhận đăng ký Đề án bảo vệ môi trường đơn giản của Showroom Nissan Đông Hà tại Giấy xác nhận số 187/GXN-UBND ngày 23/02/2016 của UBND thành phố Đông Hà.
- Quy mô của Cơ sở: Dự án nhóm C.

Cơ sở có tiêu chí về môi trường tương đương mục số 2, phụ lục V ban hành kèm Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường, thuộc đối tượng phải lập GPMT theo quy định tại khoản 2 điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của Cơ sở

3.1. Công suất hoạt động của Cơ sở:

Bảng 1. Công suất hoạt động của Cơ sở

TT	Loại hình	Công suất (xe/tháng)
1	Phân phối các loại xe ô tô du lịch	6
2	Sửa chữa, bảo dưỡng ô tô các loại	90

3.2. Công nghệ sản xuất của Cơ sở

Sơ đồ quy trình công nghệ

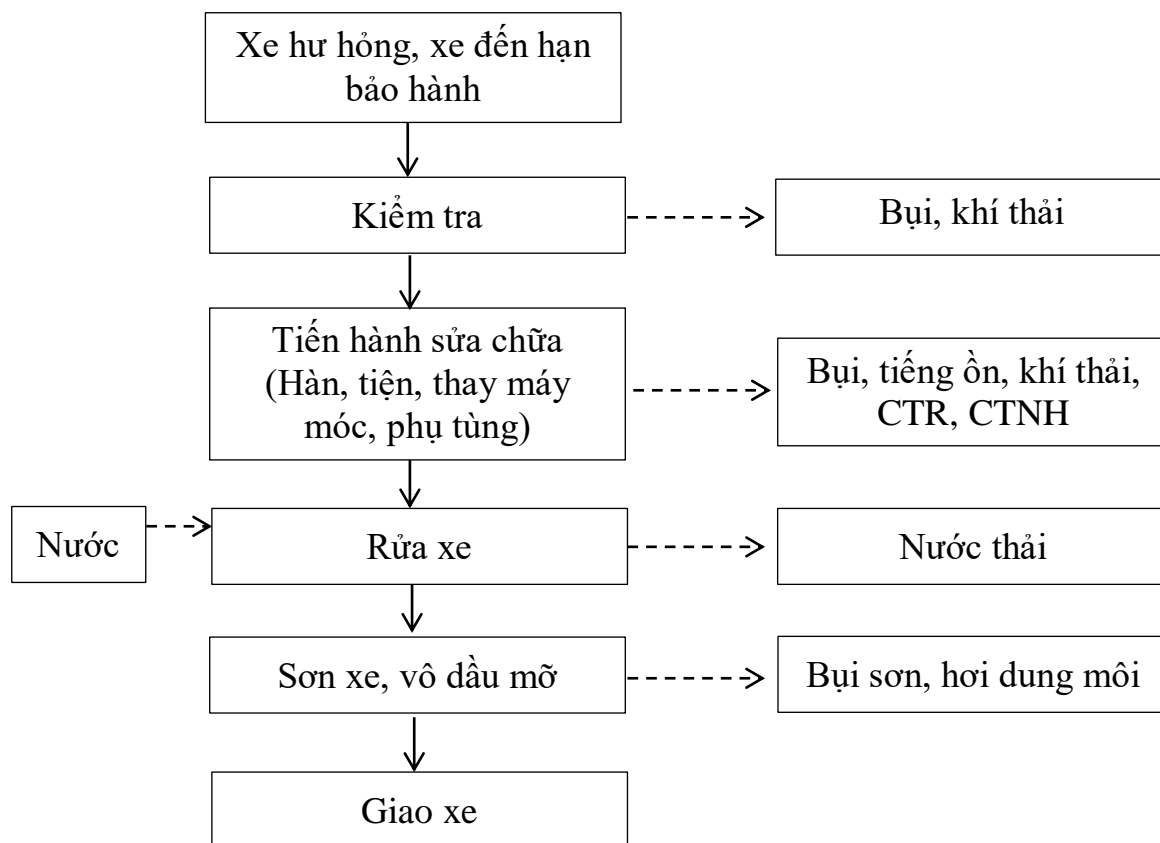
* Hoạt động kinh doanh tại Cơ sở



Hình 1. Quá trình hoạt động kinh doanh

Thuyết minh quy trình:

Khi có các hợp đồng từ khách hàng, Công ty sẽ liên hệ đối tác để nhập xe về tại Showroom. Trung bình mỗi tháng lượng xe về tại Showroom khoảng 6 chiếc. Khi về tại Showroom sẽ kiểm tra lại sản phẩm và bàn giao lại cho khách hàng.



Hình 2. Quy trình sửa chữa bảo dưỡng

Thuyết minh quy trình:

Xe hư hỏng, bảo dưỡng đưa vào Cơ sở sẽ được kiểm tra trước khi sửa chữa để xác định bộ phận và mức độ hư hỏng. Sau khi tiến hành kiểm tra, tùy thuộc vào mức độ mà xưởng sẽ tiến hành sửa chữa, thay máy móc, phụ tùng,... Tiếp đến, xe được rửa, vệ sinh trước khi phun sơn và vô dầu mỡ, sau đó sẽ giao trả cho khách hàng. Nước thải sản xuất phát sinh chủ yếu từ công đoạn rửa xe.

3.3. Sản phẩm của Cơ sở

Phân phối các loại xe ô tô du lịch với 6 xe/tháng; Sửa chữa, bảo dưỡng các loại xe dưới 16 chỗ với số lượng 90 xe/tháng.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của Cơ sở

4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu của Cơ sở

Bảng 2. Các danh mục vật liệu, phụ tùng tại Cơ sở

TT	Tên vật tư/thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Cầu nâng ô tô 2 trụ	Bộ	1
2	Cầu nâng ô tô 4 trụ	Bộ	1
3	Cầu nâng cắt kéo	Bộ	3
4	Máy ép thủy lực LD-PO1201	Cái	1
5	Kệ 3 ngăn	Cái	2
6	Bộ châm dầu ô tô	Bộ	1
7	Tháo lọc dầu JTC 1942	Cái	1
8	Máy tháo lốp	Cái	1
9	Máy cân bằng lốp	Cái	1
10	Phòng sơn sấy ô tô	Bộ	1 (chưa hoạt động)
11	Bộ dũa 5 chi tiết	Bộ	1
12	Bộ chuyên dùng sửa chữa xe ô tô	Bộ	2
13	Bộ dụng cụ 8 món	Bộ	1
14	Bộ dụng cụ đo cắt 11 món	Bộ	1
15	Bộ tháo lọc dầu 4666	Cái	1
16	Máy mở bulon	Cái	2
17	Kích cá sấu	Cái	1
18	Con đội 3 tấn	Con	2
19	Thiết bị thổi làm sạch ô tô sử dụng khí nén	Cái	2
20	Bạt che 26×2,9m	Tám	1

4.2. Nguồn cung cấp điện

Điện phục vụ cho các hoạt động sản xuất, chiếu sáng, sinh hoạt của Cơ sở dự kiến khoảng 2.000 kW/tháng. Điện được sử dụng từ đường dây có sẵn trong khuôn

viên Cơ sở, đấu nối vào trạm biến áp để cung cấp điện ổn định cho hoạt động sản xuất.

4.2. Nguồn cung cấp nước

Nguồn nước phục vụ cho hoạt động của toàn bộ Cơ sở được lấy từ Xí nghiệp Nước sạch Đông Hà chạy dọc theo tuyến đường Lê Duẩn (Quốc lộ 1A). Lượng nước sử dụng cho Cơ sở bao gồm:

Bảng 3. Nhu cầu sử dụng nước của Cơ sở

TT	Đối tượng sử dụng nước	Quy mô	Tiêu chuẩn cấp nước	Khối lượng nước (m ³ /ng.đ)	
				Định kỳ	Không định kỳ
1	Nước cấp cho sinh hoạt	20 người	45 (*) L/người	0,9	
2	Nước dịch vụ (nước tưới cây, rửa đường, nước chữa cháy...)				1
3	Nước cấp cho rửa xe trong khi sửa chữa	3 xe/ngày	300L/xe	0,9	
	Tổng cộng			1,8	1

(*): TCXDVN 33-2006: Cấp nước – Mạng lưới đường ống và công trình. Tiêu chuẩn thiết kế.

Theo kết quả bảng 3 thì tổng lượng nước cấp cần cho hoạt động thường xuyên của Cơ sở là 1,8 m³/ng.đ và lượng nước không thường xuyên là 1m³/ng.đ.

4.2. Nguồn cung cấp sơn, dung môi, nhiên liệu

Cơ sở đã đầu tư hệ thống phòng sơn hoàn thiện. Tuy nhiên, tại thời điểm hiện tại, không thực hiện các hoạt động phun, sơn tại hệ thống phòng sơn của Cơ sở nên không sử dụng các nhiên liệu như sơn, dung môi, xăng dầu.

5. Các thông tin khác liên quan đến Cơ sở

- Số lượng cán bộ công nhân viên: 20 công nhân.
- Cơ sở đi vào hoạt động từ tháng 8/2018 với các hạng mục như sau:

Bảng 4. Quy mô các hạng mục của Cơ sở

TT	Hạng mục	Quy mô (m²)
1	Khu trưng bày ô tô	183
2	Xưởng dịch vụ	640
3	Khu vực tiếp nhận, sửa chữa	359
4	Nhà vệ sinh (gồm 3 khu vực vệ sinh)	20
5	Văn phòng làm việc	277
6	Nhà thu gom CTR, CTNH	6
7	Bể lắng, lọc, tách dầu mỡ	3,6
8	Sân đường nội bộ	130
9	Cây xanh	18,4
TỔNG CỘNG		1.637

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của Cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Cơ sở hoạt động phù hợp với các quy hoạch như sau:

- Về quy hoạch bảo vệ môi trường Quốc gia: Hiện nay, Quy hoạch bảo vệ môi trường Quốc gia đang được lập, đã được Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 274/QĐ-TTg ngày 18/2/2020. Trong đó, đã nêu nhiệm vụ Định hướng về kiểm soát nguồn ô nhiễm, quản lý chất thải, quản lý chất lượng môi trường cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh.

- Quyết định số 1776/QĐ-UBND ngày 01/10/2013 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt đề án phát triển ngành cơ khí tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, có tính đến năm 2025.

- Quyết định số 1255/QĐ-UBND ngày 09/6/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Đông Hà đến năm 2030.

- Phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 theo Nghị quyết số 80/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị. Tập trung tận dụng tốt mọi cơ hội để phục hồi và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội với chỉ tiêu phát triển kinh tế khu vực công nghiệp - xây dựng tăng 9,5 - 10%.

2. Sự phù hợp của Cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Hiện tại, khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải của khu vực chưa được ban hành. Tuy nhiên, toàn bộ nước thải tại Cơ sở sau khi đầu nối trên tuyến Quốc lộ 1A sẽ theo tuyến thoát nước khu vực về Trạm xử lý nước thải thành phố Đông Hà với công suất 5.000m³/ng.đ. Trạm xử lý nước thải này đã được cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước theo Quyết định số 3390/GP-BTNMT ngày 28/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Chương III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Cơ sở đã xây dựng hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn trên mái nhà xưởng bằng 2 máng inox, mỗi máng có độ rộng 0,3m, cao 0,35m, dài 30m và được đầu nối vào ống PVC D114 để chảy xuống 2 tuyến thoát nước trên mặt đất bằng bê tông, (mỗi tuyến thu gom, thoát nước có chiều rộng 0,3m, cao 0,5m, dài 40m). Sau đó thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực trên tuyến Quốc lộ 1A. Hệ thống thoát nước bố trí 3 hố ga/tuyến thoát nhằm thu nước mưa và bẫy các tạp chất rắn, mỗi tuyến thoát nước có chiều dài khoảng 47,5m. Bên cạnh đó, chủ Cơ sở thực hiện các biện pháp sau:

- Thường xuyên kiểm tra, nạo vét, không để bùn đất, rác, phế thải sản xuất xâm nhập vào đường thoát nước gây tắc nghẽn hệ thống.

- Tránh tập trung các loại nguyên nhiên vật liệu cạnh các tuyến thoát nước để ngăn ngừa rơi vật liệu vào đường thoát nước.

- Nhắc nhở công nhân có ý thức trong việc thu gom rác thải sinh hoạt và sản xuất.

1.2. Thu gom, thoát nước thải

Cơ sở phát sinh nước thải từ hoạt động vệ sinh CBCNV và từ quá trình bảo dưỡng, sửa chữa xe:

* Công trình thu gom nước thải:

- Đối với nước thải sinh hoạt:

- + Nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình sinh hoạt của CBCNV làm việc tại Cơ sở. Thành phần nước thải này chứa cặn bã, các chất rắn lơ lửng (SS), các chất hữu cơ (COD, BOD), các chất dinh dưỡng (N,P) và vi sinh vật.

- + Định mức sử dụng nước: 20 người * 45 lít = 0,9 m³/ng.đ. Tỷ lệ thải bằng 100% lượng nước cấp. Như vậy, lượng nước thải sinh hoạt phát sinh là 0,9 m³/ng.đ. Sử dụng ống nhựa PVC D114 để thu gom nước thải tại 03 nhà vệ sinh và hầm tự hoại 3 ngăn có thể tích 6m³.

- Đối với nước thải từ quá trình bảo dưỡng, xịt rửa xe:

+ Đối với loại hình sửa chữa ô tô, nước thải phát sinh chủ yếu tại công đoạn rửa xe sau sửa chữa với thành phần chủ yếu là dầu nhớt, bụi bẩn và các chất hữu cơ.

+ Theo TCVN 4513:1988 - Cấp nước bên trong - Tiêu chuẩn thiết kế thì định mức nước dùng để rửa 1 xe con từ 200 - 300 lít/xe. Như vậy, với số lượng xe rửa tại Cơ sở khoảng 03 xe/ngày thì lượng nước thải phát sinh lớn nhất là:

$$300 \text{ lít/xe} \times 03 \text{ xe/ngày} = 0,9 \text{ m}^3/\text{ngày}$$

Nước từ quá trình xịt rửa xe sau khi qua lớp sàn thu nước được đưa về hệ thống bể tách dầu mỡ. Sau đó được đầu nối vào hệ thống thoát nước nội bộ của Showroom rồi dẫn về hệ thống thoát nước của khu vực nằm dọc Quốc lộ 1A.

** Công trình thoát nước thải:*

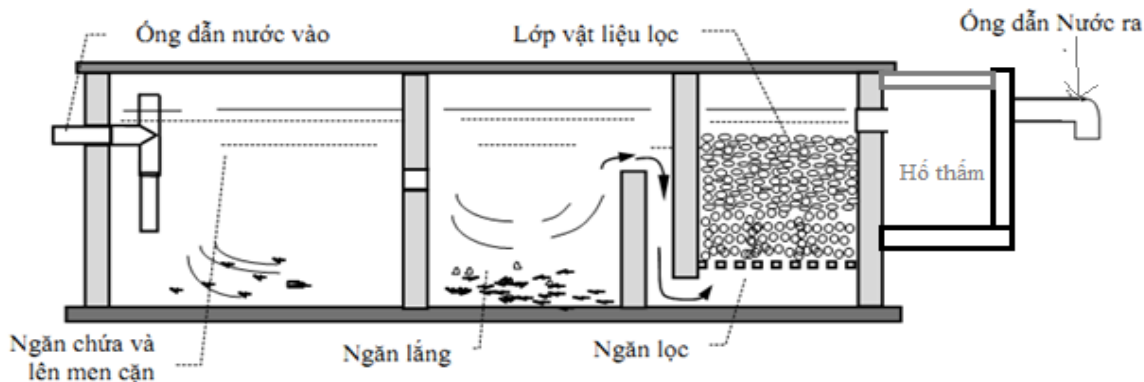
- Đối với nước thải sinh hoạt: Nước thải đen (sau khi xử lý ở bể tự hoại 3 ngăn) cùng với nước thải xám sẽ được dẫn qua hố ga kết hợp lắng lọc, sau đó được đầu nối vào hệ thống thoát nước nội bộ của Showroom rồi dẫn về hệ thống thoát nước của khu vực nằm dọc Quốc lộ 1A. Trên tuyến thoát bố trí 3 hố ga nhằm bẫy các tạp chất. Toàn bộ nước thải sẽ theo tuyến thoát nước của thành phố từ tuyến Quốc lộ 1A theo đường Lê Thế Tiết về Trạm xử lý nước thải thành phố Đông Hà với công suất 5.000m³/ng.đ.

- Đối với nước thải từ quá trình bảo dưỡng, xịt rửa xe: Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý đạt cột B của QCVN 40:2011/BTNMT được đầu nối vào hệ thống thoát nước nội bộ của Showroom rồi dẫn về hệ thống thoát nước của khu vực nằm dọc Quốc lộ 1A. Trên tuyến thoát bố trí 3 hố ga nhằm bẫy các tạp chất. Toàn bộ nước thải sẽ theo tuyến thoát nước của thành phố từ tuyến Quốc lộ 1A theo đường Lê Thế Tiết về Trạm xử lý nước thải thành phố Đông Hà với công suất 5.000m³/ng.đ.

1.3. Xử lý nước thải

* Nước thải sinh hoạt

Cơ sở xử lý nước thải sinh hoạt bằng bể tự hoại 3 ngăn. Chức năng của bể tự hoại ứng dụng phương pháp lắng và phân huỷ yếm khí nên cấu tạo của bể tự hoại gồm 2 phần: phần lắng và phần phân huỷ cặn. Mô hình bể tự hoại như sau:



Hình 3. Mô hình hầm tự hoại

Tính toán kích thước của bể tự hoại:

- Áp dụng phương thức tính toán thiết kế bể tự hoại của TS. Trần Đức Hạ - Xử lý nước thải sinh hoạt quy mô nhỏ và vừa - NXB KH&KT, Hà Nội 2002 để xây dựng bể phù hợp với lượng công nhân 20 người.

+ Thể tích phần lắng của bể tự hoại: $W_1 = a.N.T_1/1.000$ (m³);

+ Thể tích phần chứa và lên men phân huỷ cặn: $W_2 = b.N.T_2/1.000$ (m³);

Tổng thể tích bể tự hoại (W, m³): $W = W_1 + W_2$.

Trong đó:

N - số người sử dụng (*N*=20);

a - tiêu chuẩn thải nước của một người trong một ngày (*a* = 45 L/người.ngày × 100% = 100 L/người.ngày);

b - tiêu chuẩn cặn lắng lại trong bể tự hoại của một người trong một ngày; giá trị của *b* phụ thuộc vào chu kỳ hút cặn khỏi bể; nếu thời gian giữa hai lần hút cặn < 1 năm thì *b*=0,1 L/người.ngày, nếu ≥ 1 năm thì *b*=0,08 L/người.ngày;

*T*₁ - thời gian lưu của bể tự hoại, thường lấy 1÷3 ngày (chọn 2 ngày);

*T*₂ - thời gian giữa hai lần hút bùn cặn lên men; ta tính cho thời gian 1 năm (*T*₂ = 365 ngày);

Vậy thể tích toàn bộ bể tự hoại là: $W = 2,4m^3$.

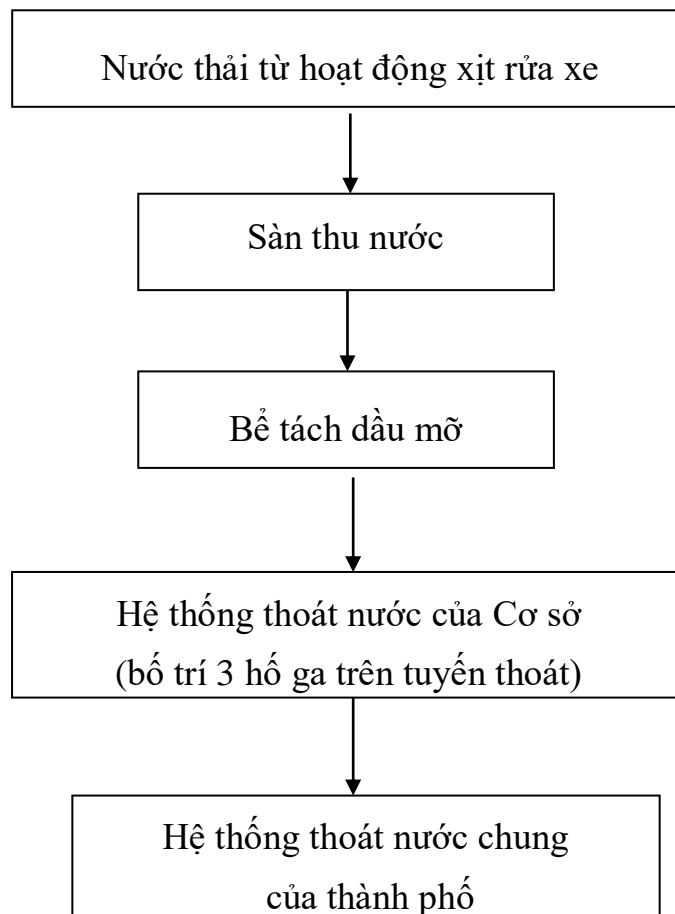
Chủ Cơ sở đã xây dựng hoàn thiện hầm tự hoại có thể tích $18m^3$, đáp ứng nhu cầu hiện tại của Cơ sở cũng như khi có nhu cầu gia tăng số lượng CVCNV.

Nước thải sau khi xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn sẽ được dẫn qua hố ga kết hợp lắng lọc rồi đầu nối vào tuyến thoát nước nội bộ của showroom và dẫn về hệ thống thoát nước chung của thành phố trên tuyến đường Quốc lộ 1A.

** Nước thải sản xuất:*

Đối với loại hình sửa chữa ô tô, nước thải phát sinh chủ yếu tại công đoạn rửa xe sau sửa chữa với thành phần chủ yếu là dầu nhớt, bụi bẩn và các chất hữu cơ. Lưu lượng nước thải sản xuất phát sinh tại Cơ sở là $0,9m^3/ngày$.

Để xử lý nước thải đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường, Chủ Cơ sở đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải từ công đoạn xịt rửa xe sau như sau:



Hình 4. Hệ thống xử lý nước thải tại Cơ sở

- Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý được đầu nối vào tuyến thoát nước nội bộ của Cơ sở (tuyến thoát nước bằng bê tông, có chiều rộng 0,3m, cao 0,5m, dài 40m, bố trí 3 hố ga/tuyến thoát nhằm bẫy các tạp chất) sau đó dẫn về hệ thống

thoát nước chung của khu vực trên tuyến Quốc lộ 1A. Định kỳ, Cơ sở tiến hành thu gom chất thải tại hệ thống.

- Hệ thống xử lý nước thải tại Cơ sở tự vận hành, không sử dụng hoá chất, điện.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Nguồn phát sinh bụi khí thải phát sinh từ hoạt động sửa chữa, thử động cơ, sơn xe. Để giảm thiểu tối đa lượng bụi và khí thải tránh gây ô nhiễm môi trường xung quanh và ảnh hưởng tới sức khỏe CBCNV, khách hàng và người dân sống lân cận khu vực cơ sở, Chủ cơ sở đã thực hiện những biện pháp sau:

** Biện pháp xử lý khí thải từ hoạt động sơn:*

Hiện tại Cơ sở không thực hiện hoạt động phun sơn. Tuy nhiên, Chủ Cơ sở lắp đặt hệ thống buồng sơn khép kín nhằm hạn chế lượng bụi trong quá trình sơn và mùi phát sinh.



Hình 5. Cấu tạo buồng sơn tại Cơ sở

- Cấu tạo buồng sơn:

+ Phòng được dựng bằng chất liệu mới Panel có tác dụng cách âm, cách nhiệt và ngăn cách với khu vực sản xuất bên ngoài tránh bụi bay vào phòng, khung xương đều bằng nhôm có ốp góc cạnh, phòng có cửa sổ lắp kính dày 8mm quy cách (2×0,4)m.

+ Trần vách Panel được treo bởi dây cáp trên xà gồ, vách được bắt cố định dưới nền bằng đai vít

+ Miệng cấp gió làm bằng nhôm định hình 2 lớp có thể điều chỉnh 2 hướng

gió.

+ Hệ thống cấp gió sạch cho phòng sơn khi không khí và bụi bên ngoài qua 02 lớp lọc không khí sạch sẽ vào phòng sơn. Hệ thống này dùng quạt ly tâm 2 hòng hút 1 miệng thổi là sản phẩm chuyên dùng cho phòng sơn.

- Nguyên lý hoạt động: Trong suốt công đoạn sơn, quạt gió cấp và hút sẽ hoạt động và đưa không khí sạch từ ngoài vào bộ lọc bụi, lọc trần và vào trong phòng, không khí được hút vào và cấp xuống từ phía trần của phòng sơn sấy, không khí sau khi được lọc sạch nhờ bộ lọc trần, lọc sàn sẽ thải ra ngoài, nó luôn duy trì một áp suất lớn hơn áp suất của không khí ngoài trời để tránh bụi bay từ ngoài vào trong phòng gây ảnh hưởng đến chất lượng sơn. Các tấm đệm lọc bụi định kỳ mỗi tháng sẽ được thay thế.

Tuy nhiên, tại thời điểm hiện tại Cơ sở không thực hiện hoạt động phun, sơn ô tô tại buồng sơn này.

** Biện pháp xử lý khí thải từ hoạt động sửa chữa, thử động cơ xe:*

- Xây dựng nhà xưởng cao thoáng, lắp đặt hệ thống quạt thông gió quạt hút tại các Cơ sở nhằm tạo không gian thoáng mát, giảm nhiệt.

- Thiết kế hệ thống cây xanh trong khuôn viên Cơ sở để tạo cảnh quan thân thiện với môi trường đồng thời có tác dụng tạo bóng mát, điều hòa vi khí hậu.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho CBCNV và tiến hành khám sức khỏe định kỳ 01 lần/năm cho công nhân.

- Thường xuyên vệ sinh nhà xưởng và thu gom các loại tạp chất, phụ phẩm rơi vãi để hạn chế tối đa phát tán vào không khí.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

** CTR sinh hoạt:*

Cơ sở hoạt động với 20 CBCNV. Lượng CTR phát sinh chủ yếu là thức ăn thừa, túi nilon, giấy vụn, chai, lon, vỏ hoa quả... Lượng rác thải sinh hoạt tính trung bình khoảng 0,5 kg/người/ngày thì tổng lượng rác thải phát sinh khoảng 10 kg/ngày. Để xử lý CTR sinh hoạt tại Cơ sở, Chủ Cơ sở thực hiện các biện pháp sau:

- Hàng ngày, CTR sinh hoạt phát sinh sẽ thu gom vào 3 thùng rác đặt tại khu vực văn phòng làm việc, khu vực kinh doanh, khu vực sửa chữa. Sau đó được thu gom tập trung tại thùng rác nằm ở phía Đông của Cơ sở và hợp đồng với Công ty

Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Đông Hà đem đi xử lý định kỳ 01 ngày/lần (hợp đồng được đính kèm tại phụ lục).

- Đối với các loại chất thải có khả năng tái chế như vỏ chai, lọ; giấy vụn, bìa carton, ... sẽ được thu gom và bán cho các Cơ sở thu mua phế liệu.

** Chất thải rắn sản xuất thông thường:*

Chất thải rắn sản xuất thông thường của Cơ sở phát sinh gồm: Thiết bị, phụ tùng ô tô bị hỏng, bao bì nilon, giấy bìa bọc ô tô, ... khối lượng khoảng 8 kg/ngày. Đối với CTR sản xuất thông thường, Cơ sở lưu giữ và xử lý như sau:

- Đối với chất thải rắn là phụ tùng ô tô bị hỏng, giấy bìa bọc sẽ được thu gom và bán cho các Cơ sở thu mua phế liệu.

- Các chất thải còn lại sẽ hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Đông Hà đem đi xử lý định kỳ 01 ngày/lần (hợp đồng được đính kèm tại phụ lục).

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Đối với hoạt động của Cơ sở sẽ làm phát sinh các chất thải nguy hại chủ yếu như: Giẻ lau, dầu nhớt thải, bộ lọc dầu đã qua sử dụng. Khối lượng CTNH của Cơ sở phát sinh thực tế như sau:

Bảng 5. Khối lượng CTNH phát sinh thường xuyên của Cơ sở

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)
1	Giẻ lau dính dầu, bóng đèn huỳnh quang, bao bì cứng thải bằng kim loại, pin	Rắn	30
2	Dầu nhớt động cơ	Lỏng	40
3	Bộ lọc dầu đã qua sử dụng	Rắn	10
	Tổng		90

CTNH trong Cơ sở được thu gom theo đúng quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường quy định như sau:

- Đối với CTNH là giẻ lau dính dầu mỡ đã được thu gom tập trung vào 1 thùng rác 120L lưu tại kho chứa CTNH. Đối với dầu thải được thu gom vào 4 thùng phuy kín có thể tích 220L/thùng và được lưu tại kho chứa CTNH có kích thước 4m², bố trí tại phía Tây Nam của Cơ sở. Tại thùng chứa CTNH được dán

nhãn để phân loại chất thải và tại kho lưu chứa có biển báo Khu rác thải và dầu cũ.

- Chủ Cơ sở đã hợp đồng với Công ty Cổ phần xử lý môi trường Nghệ An để vận chuyển và đưa đi xử lý với tần suất 1 lần/năm theo hợp đồng số 220601/HĐ-XLMTNA-ADOHA (hợp đồng được đính kèm tại phụ lục).

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Chất lượng các máy móc, phương tiện vận chuyển được đảm bảo đúng quy định.

- Trong quá trình lắp đặt các máy móc, thiết bị của Cơ sở cân cân chỉnh và đặt các thiết bị theo đúng yêu cầu kỹ thuật.

- Tiến hành bôi trơn và thay thế các thiết bị hỏng nhằm hạn chế tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của máy móc, thiết bị.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng nhằm hạn chế tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của máy móc, thiết bị.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

a. Biện pháp quản lý, phòng ngừa sự cố cháy nổ:

- Cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy chữa cháy; Thành lập đội PCCC tại chỗ, xây dựng nội quy PCCC, trang bị đầy đủ các thiết bị PCCC; Hiện tại Cơ sở đã đầu tư đầy đủ các công trình thiết bị PCCC đúng quy định (Giấy chứng nhận thẩm duyệt PCCC được đính kèm theo ở phụ lục).

- Thực hiện các biện pháp an toàn đối với khu vực chứa nhiên liệu, vật liệu dễ cháy nổ (dung môi, sơn,...).

- Đường dây điện từ trạm biến áp đến khu vực của Cơ sở phải là các đường dây kín, đảm bảo an toàn trong sử dụng.

- Trang bị các máy bơm nước và các dây, ống dẫn nước để ứng phó kịp thời khi có đám cháy xảy ra.

b. Biện pháp quản lý, phòng ngừa tai nạn lao động:

- Cơ sở bắt buộc tất cả công nhân lao động trong giờ làm việc phải sử dụng các trang thiết bị bảo hộ lao động (quần áo, mũ, găng tay, khẩu trang, kính mắt, bông tai,...) tránh trường hợp có mà không sử dụng.

- Tổ chức các lớp đào tạo, nâng cao tay nghề, huấn luyện về an toàn lao động, vệ sinh môi trường theo quy định hiện hành.

- Cấm công nhân sử dụng bia rượu trong giờ làm việc.

- Thực hiện biện pháp sơ cứu và cấp cứu kịp thời khi có sự cố xảy ra.

c. Biện pháp quản lý, phòng ngừa an toàn giao thông:

- Các phương tiện giao thông đường bộ của CBCNV, các xe vận chuyển hàng hoá của Công ty phải đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật quy định và tuyệt đối chấp hành Luật giao thông đường bộ hiện hành.

- Các tài xế không được sử dụng bia rượu trong khi điều khiển phương tiện.
- Khi vận hành tuyệt đối không được chở quá tải đối với quy định.

Chương IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

1.1. Nước thải sản xuất

- Nguồn phát sinh nước thải: Nước thải từ quá trình sửa chữa, xịt rửa ô tô.

- Lưu lượng xả thải tối đa: Nước thải sản xuất phát sinh khoảng $0,9\text{m}^3/\text{ng.đ}$, tương ứng $0,0375\text{ m}^3/\text{giờ}$.

- Dòng nước thải: Nước thải sau xử lý ở hệ thống xử lý nước thải đạt cột B của QCVN 40:2011/BTNMT ($K_f=1,2$; $K_q=0,9$) được đầu nối vào tuyến thoát nước nội bộ của showroom và dẫn về hệ thống thoát nước chung trên tuyến đường Quốc lộ 1A. Điểm đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của thành phố nằm ở phía Đông của Cơ sở. Sau đó, theo tuyến thoát nước của thành phố đưa về Trạm xử lý nước thải thành phố Đông Hà với công suất $5.000\text{m}^3/\text{ng.đ}$.

- Các chất ô nhiễm và giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng thải:

Chất lượng môi trường nước thải sau khi qua hệ thống xử lý đạt cột B của QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp. Nồng độ các chất ô nhiễm được tính toán như sau:

Bảng 6. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn chất ô nhiễm

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B; $K_f=1,2$; $K_q=0,9$)
1	pH	-	5,5-9
2	BOD ₅	mg/l	54
3	TSS	mg/l	108
4	Sunfua	mg/l	0,54
5	COD	mg/l	162
6	N tổng	mg/l	43,2
7	P tổng	mg/l	6,48
8	Fe	mg/l	5,4
9	Dầu mỡ	mg/l	10,8
10	Coliform	MPN/100ml	5.000

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của Cơ sở: Showroom kinh doanh Ô tô tại địa chỉ 258 Lê Duẩn, thành phố Đông Hà

- QCVN 40:2011/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;

- $K_q=0,9$: nguồn tiếp nhận nguồn thải; $K_f=1,2$; Lưu lượng thải $\leq 50m^3$ /ngày đêm.

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau khi xử lý, được đầu nối vào tuyến thoát nước nội bộ của showroom và dẫn về hệ thống thoát nước chung trên tuyến đường Quốc lộ 1A. Điểm đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của thành phố nằm ở phía Đông của Cơ sở. Sau đó, theo tuyến thoát nước của thành phố đưa về Trạm xử lý nước thải thành phố Đông Hà với công suất $5.000m^3$ /ng.đ. Tọa độ: X: 1.859.653m; Y: 591.823m (Hệ tọa độ VN2000, KTT $160^015'$, múi chiếu 3^0).

- Phương thức xả thải: Tự chảy.

1.2. Nước thải sinh hoạt

- Nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt: Nước thải từ quá trình sinh hoạt từ 20 CBCNV.

+ Nước thải từ nhà vệ sinh (nước thải đen) chủ yếu chứa các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD_5/COD), các chất dinh dưỡng và vi sinh vật.

+ Nước thải từ các hoạt động sinh hoạt khác như tắm rửa, vệ sinh chân tay của CBCNV (nước thải xám), với đặc trưng của loại nước thải này chứa dầu mỡ khoáng, chất tẩy rửa, cặn lơ lửng.

- Lưu lượng xả tối đa: $0,9 m^3$ /ngày.đêm, tương đương $0,0375 m^3$ /giờ.

- Dòng nước thải: Nước thải đen (sau khi xử lý ở bể tự hoại 3 ngăn) cùng với nước thải xám sẽ được dẫn qua hố ga kết hợp lắng lọc sau đó được đầu nối vào tuyến thoát nước nội bộ của showroom và dẫn về hệ thống thoát nước chung của thành phố trên tuyến đường Quốc lộ 1A.

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: cụ thể ở bảng sau:

Bảng 7. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B, K=1,2
1	pH	-	5,5 - 9
2	BOD ₅ (20 °C)	mg/l	60
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.200
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	60
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12
10	Phosphat (tính theo P)	mg/l	12
11	Tổng Coliform	MPN/100 ml	5.000

- Quy chuẩn 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;

- Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm Cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (có chất lượng nước tương đương cột B1 và B2 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt hoặc vùng nước biển ven bờ);

- K=1,2: áp dụng cho Cơ sở sản xuất kinh doanh có dưới 500 người.

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

+ Vị trí xả thải: Nằm ở khu vệ sinh tại vị trí 258 Lê Duẩn.

+ Phương thức xả thải: Tự chảy.

+ Nguồn tiếp nhận: Nước thải sau khi xử lý được đầu nối vào tuyến thoát nước nội bộ của showroom và dẫn về hệ thống thoát nước chung trên tuyến đường Quốc lộ 1A. Điểm đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của thành phố nằm ở phía Đông của Cơ sở. Sau đó, theo tuyến thoát nước của thành phố đưa về Trạm

xử lý nước thải thành phố Đông Hà với công suất $5.000\text{m}^3/\text{ng.đ}$. Tọa độ: X: 1.859.653m; Y: 591.823m (Hệ tọa độ VN2000, KTT $160^{\circ}15'$, múi chiếu 3°).

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

Quá trình hoạt động của Cơ sở phát sinh bụi, khí thải từ sửa chữa, bảo dưỡng, sơn xe ô tô. Các nguồn phát sinh này đều được giảm thiểu bằng các biện pháp quản lý nội vi như đề xuất tại chương III. Do đó, Cơ sở không đề nghị cấp phép đối với khí thải.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các phương tiện giao thông và hoạt động của máy móc. Tuy nhiên, nguồn phát sinh nhỏ và không thường xuyên. Do đó, Cơ sở không đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.

Chương V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ

5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

Cơ sở đã thực hiện quan trắc chất lượng nước thải sản xuất năm 2022 tại Showroom ô tô cho kết quả như sau:

Bảng 8. Vị trí điểm quan trắc nước thải

Thời gian	Tần suất	Số lượng	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc
Đợt 1 (18/2/2022)	4 đợt/năm	01	NT.02504	Tại vị trí đầu nối với hệ thống thoát nước chung của thành phố Đông Hà
Đợt 2 (12/5/2022)			NT.051209	
Đợt 3 (22/7/2022)			NT.072218	
Đợt 4 (19/11/2022)			NT.111911	

Bảng 9. Kết quả quan trắc nước thải

TT	Thông số	Đơn vị tính	Kết quả				QCVN 40:2011/BTNMT Cột B (K _q =0,9; K _f =1,2)
			Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4	
1	Nhiệt độ	°C	22,3	25,8	27,0	24,1	40
2	pH	--	6,15	6,63	5,98	6,43	5,5 – 9
3	Độ màu	Pt – Co	29	46	51	35	150
4	TSS	mg/L	68	57	33	83	108
5	BOD ₅	mg/L	10	14	10	24	54
6	COD	mg/L	19	30	21	62	162
7	Tổng P	mg/L	1,02	2,31	3,25	1,98	6,48
8	Tổng N	mg/L	7,24	8,79	12,2	18,6	43,2
9	Coliform	MPN/100mL	2.100	2.000	1.300	2.700	5.000

Ghi chú: - QCVN 40:2011/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt);
- KPH: Không phát hiện; (*): Giới hạn phát hiện (MDL).

* Nhận xét:

Kết quả bảng 9 nhận thấy: Qua 04 đợt quan trắc, tất cả các thông số thực hiện đo/phân tích chất lượng nước thải đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 40:2011/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột B, K_q=0,9; K_f=1,2).

Chương VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

- Đối với nước thải sinh hoạt: Dự án thuộc đối tượng “*Công trình xử lý chất thải không phải thực hiện vận hành thử nghiệm*” quy định tại điểm d khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Đối với nước thải sản xuất: Cơ sở đã đi vào hoạt động với công suất sửa chữa 3 lượt xe/ngày. Qua các đợt quan trắc chất lượng nước thải của Cơ sở trước khi xả ra môi trường đều đạt cột B của QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp. Do đó, Cơ sở không đề xuất vận hành thử nghiệm.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

- Quan trắc nước thải: Cơ sở có lưu lượng thải < 200 m³/ngày đêm nên không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ hoặc tự động liên tục theo quy định tại Phụ lục XXVIII, ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ.

- Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp: Cơ sở có lưu lượng thải < 50.000 m³/giờ nên không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ hoặc tự động liên tục theo quy định tại Phụ lục XXIX - Dự án, Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ xả bụi, khí thải công nghiệp ra môi trường phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục, quan trắc định kỳ ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Căn cứ vào Điều 112 của Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 thì Dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật.

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ Cơ sở

** Quan trắc nước thải:*

- Số lượng: 01 vị trí.
- Vị trí quan trắc: Tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải sản xuất của Cơ sở.
- Thông số quan trắc: pH, TSS, BOD₅, COD, Fe, Tổng dầu mỡ, Coliform.
- Tần suất quan trắc: 6 tháng/lần.
- Quy chuẩn áp dụng: Cột B của QCVN 40:2011/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp.

** Quan trắc chất thải rắn:*

- Thông số quan trắc: Tổng lượng CTR, CTNH.
- Vị trí quan trắc: Tại kho chứa CTR, CTNH của Cơ sở.
- Tần suất quan trắc: 6 tháng/lần.
- Cơ sở dự kiến sẽ phối hợp với đơn vị có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường để thực hiện.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Kinh phí quan trắc môi trường hàng năm của Cơ sở là 10.000.000 đồng.

Chương VII

KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Ngày 06/12/2022, Đoàn kiểm tra của Phòng cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường đã tiến hành kiểm tra về tình hình liên quan công tác bảo vệ môi trường, thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải phát sinh trong hoạt động, bảo dưỡng ô tô.

** Quá trình kiểm tra, khảo sát thực tế ghi nhận:*

- Cơ sở đã được phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường đơn giản kèm Giấy xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản số 187/GXN-UBND ngày 23/02/2016.

- Đã hợp đồng với Công ty xử lý môi trường Nghệ An thu gom vận chuyển, xử lý và chuyển giao xử lý CTNH.

- Đã hợp đồng với Công ty Môi trường đô thị thành phố Đông Hà thu gom xử lý CTR định kỳ 01 lần/ngày.

- Khu vực sửa chữa, bảo dưỡng nằm trong khuôn viên công ty, sản được bê tông hóa, đã xây dựng hệ thống thu gom nước trong quá trình rửa, vệ sinh xe.

** Đoàn kiểm tra yêu cầu:*

- Lập hồ sơ cấp Giấy phép môi trường theo đúng quy định cả pháp luật.

- Quá trình hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa, yêu cầu Công ty chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

- Thu gom, xử lý các loại chất thải phát sinh theo đúng quy định của pháp luật.

- Thực hiện đầy đủ các nội dung đề án bảo vệ môi trường được xác nhận.

(Biên bản kiểm tra ngày 06/12/2022 đính kèm tại phụ lục)

Chương VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Nhằm đảm bảo công tác BVMT trong quá trình hoạt động, chủ Cơ sở cam kết thực hiện như sau:

- Chúng tôi cam kết thực hiện các biện pháp, công trình giảm thiểu tác động xấu đến môi trường nêu trong giấy phép môi trường.

- Tất cả các biện pháp BVMT sẽ thực hiện theo quy định và hoàn thành đúng thời gian quy định.

- Áp dụng, chương trình quan trắc môi trường cũng như các tiêu chuẩn, quy chuẩn về bảo vệ môi trường hiện hành.

- Chúng tôi cam kết sẽ xử lý nước thải đảm bảo đạt cột B của QCVN 40:2011/BTNMT trước khi thải ra môi trường.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Giấy tờ về đất đai của Cơ sở theo quy định của pháp luật;
- Bản vẽ các công trình;
- Hợp đồng kinh tế về việc xử lý CTR và CTNH;
- Bản sao Giấy xác nhận Cam kết bảo vệ môi trường;
- Các văn bản pháp lý khác liên quan đến Cơ sở.